

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LONG AN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2021/DS-PT
 Ngày : 18-3-2021
 V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
 và đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm.

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
 Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 613/2020/TLDS-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXDS-PT ngày 26 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Phường X, thành phố Y.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Đình H: Ông Nguyễn Văn K– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971.

Hộ khẩu thường trú: Phường X, thành phố Y.

Địa chỉ tạm trú: Xã X, huyện Y.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Đình H.

(Ông H có mặt tại phiên tòa; ông T và ông K vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình H trình bày trong đơn khởi kiện, lời khai của người đại diện trong quá trình tố tụng vụ án tại cấp sơ thẩm như sau:

Tháng 7/2018, ông T vay của Ông H số tiền 300.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian hoàn vốn và không lãi suất. Ông T có viết biên nhận, nhưng sau đó mượn lại giấy nợ và xé bỏ. Nay Ông H yêu cầu ông T hoàn trả 300.000.000đ.

Tháng 9/2018, ông T tiếp tục vay của Ông H số tiền 54.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian hoàn vốn và không lãi suất (không có làm biên nhận vay). Số tiền này, ông T nói vay cho con ông T mở tiệm phụ tùng xe gắn máy. Nay Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông T hoàn trả tổng số tiền vay cho Ông H là 354.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian tháng 9/2018, Ông H nhờ ông T đi xem nhà và đất của bà T (không biết rõ họ tên, địa chỉ) giúp Ông H. Ông H có đưa cho ông T số tiền 50.000.000 đồng để đặt cọc nhận chuyển nhượng nhà đất của bà T. Sau đó, ông T đem hợp đồng về cho Ông H xem, Ông H thấy hợp đồng do ông T đứng tên và để vào tủ giúp Ông H. Ngày 08/01/2019, là ngày ký hợp đồng chuyển nhượng, thì ngày 07/01 ông T nói hợp đồng đặt cọc mất và ông T bỏ đi không làm công cho Ông H tiếp tục nữa. Sau đó, Ông H biết, ông T đã tự đứng ra mua và bán lại cho người khác thửa đất trên mà không hoàn trả lại 50.000.000 đồng cho Ông H. Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T hoàn trả lại số tiền này.

Cũng trong thời gian ông T làm công cho Ông H, Ông H có đưa cho ông T 70.000.000 đồng (không nhớ rõ ngày tháng năm) để nhờ ông T mua dùm xe mô tô hiệu SH mode biển số 62B1-49411 và để ông T đứng tên giữ. Khi ông T bỏ đi, ông T đã mang theo xe này. Nay Ông H yêu cầu ông T hoàn lại 70.000.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Hình ảnh được Ông H chụp từ tin nhắn Zalo. Ông H cho rằng tài khoản Zalo “Vantoan” là của ông T đăng ký bằng số điện thoại 0932.720.257. Ngày 17/4/2019 và 29/4/2019, ông T đã gửi tin nhắn Zalo đến tài khoản “Nguyễn Đình Hien” của Ông H được đăng ký từ số điện thoại 0792.046.663. Ông H khẳng định, qua tin nhắn Zalo, ông T đã thừa nhận các số tiền đã nhận của Ông H.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm như sau:

Thời gian trước năm 2019, ông T có làm công cho Ông H, nhưng không vay mượn tiền gì của Ông H như Ông H trình bày, nên không đồng ý trả cho Ông H số tiền 354.000.000 đồng.

Ông T xác định có đi xem đất của bà T giúp Ông H, nhưng do giấy tờ gặp trục trặc gì đó (không nhớ rõ) nên Ông H đã quyết định không mua nhà và đất này. Ông H không có đưa 50.000.000 đồng cho ông T để đặt cọc như Ông H trình bày. Đối với xe mô tô hiệu SH mode biển số 62B1-49411 là của ông T mua bằng nguồn tiền của gia đình có được từ việc bán nhà số 25/10, đường X, phường Y, thành phố Z. Ông H hoàn toàn không có đưa cho ông T số tiền 70.000.000 đồng như Ông H trình bày. Qua yêu cầu khởi kiện của Ông H, ông T không đồng ý trả số tiền này. Ngoài ra, ông T còn trình bày, khi nhận được Thông báo của Tòa án gửi cho ông T thì ông T mới biết bị Ông H khởi kiện các khoản tiền trên và cũng chưa từng đề cập với Ông H đối với các khoản tiền nêu trên.

Vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An. Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 147, 192, 217, 227, 228, 271, 273, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 163, 166, 463, 469 Bộ luật Dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T hoàn trả số tiền 120.000.000 đồng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Nguyễn Đình H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T hoàn trả vốn vay 354.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đình H được miễn toàn bộ án phí, tạm ứng án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo; quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 05/10/2020, nguyên đơn Ông H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể: Yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng cải sửa toàn bộ bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông H, buộc bị đơn ông T có trách nhiệm trả tổng số tiền 474.000.000 đồng cho Ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Ông H không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo, trình bày nội dung vụ việc như tại cấp sơ thẩm. Ông H

yêu cầu Tòa án xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông. Ngoài ra, Ông H cung cấp chứng cứ bản phô tô “Giấy bán nhà + nợ, số 25/10, đường Võ Ngọc Quận, F6, TPTA” ngày 13/7/2018 của ông Nguyễn Văn T.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của Ông H trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo:

- Đối với số tiền 300.000.000 đồng và 54.000.000 đồng Ông H trình bày đây là số tiền cho ông T vay không có lãi suất, không xác định thời hạn hoàn trả vốn, nhưng quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông T không thừa nhận và Ông H cũng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh xác định có việc cho vay để chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện này của Ông H là có căn cứ. Tuy nhiên, trong trường hợp này lẽ ra cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (thuộc trường hợp người khởi kiện không có quyền khởi kiện) được quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng Dân sự), nhưng lại áp dụng điểm g khoản 1 Điều 217 và điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử là không đúng pháp luật.

- Đối với số tiền còn lại gồm 50.000.000 đồng Ông H nhờ ông T đi xem đất để nhận chuyển nhượng và đặt cọc giúp Ông H cũng như số tiền 70.000.000 đồng Ông H nhờ ông T đi mua xe giùm, sau đó ông T đứng tên xe luôn, nhưng không được ông T thừa nhận. Ông H cung cấp chứng cứ là tin nhắn Zalo từ tài khoản “Vantoan” gửi đến tài khoản “Nguyễn Đình Hien” là chưa đủ cơ sở chứng minh có việc ông T có nợ tiền Ông H. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông H là có cơ sở. Ông H kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của Ông H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình H thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn Ông H, thấy rằng:

- Đối với số tiền 300.000.000 đồng và 54.000.000 đồng Ông H trình bày, đây là số tiền cho ông T vay không có lãi suất, không xác định thời hạn hoàn trả vốn. Tại Biên bản đối chất của cấp sơ thẩm, ông T trình bày khi nhận được Thông báo của Tòa án gửi cho ông T thì ông T mới biết bị Ông H khởi kiện. Do đó, cấp sơ thẩm xác định trước khi khởi kiện ông T tại Tòa án, thì Ông H chưa có thông báo cho ông T biết nghĩa vụ trả nợ trước một thời gian hợp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự, nên chưa có đủ điều kiện khởi kiện và căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 217 và điểm a khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ xét xử là có căn cứ pháp luật. Trong trường hợp này, Ông H có quyền khởi kiện lại đối với ông T về số tiền trên theo quy định của pháp luật. Do đó, chứng cứ Ông H cung cấp tại cấp phúc thẩm là bản phô tô “Giấy bán nhà + nợ, số 25/10, đường Võ Ngọc Quận, F6, TPTA” ngày 13/7/2018 của ông Nguyễn Văn T, không được xem xét.

- Đối với các khoản tiền còn lại, Ông H cho rằng: Số tiền 50.000.000 đồng Ông H nhờ ông T đi xem đất để đặt cọc nhận chuyển nhượng giúp Ông H, cũng như số tiền 70.000.000 đồng Ông H nhờ ông T đi mua xe và đứng tên giùm, nhưng không được ông T thừa nhận. Ông H cung cấp chứng cứ nội dung tin nhắn Zalo từ tài khoản Zalo “Vantoan” gửi đến Zalo “Nguyen Dinh Hien” có nội dung “... *lại còn mua xe 70tr cho e đi.e nơ a nhiều lắm.lươn ca 50tr a đưa e đi đất cọc mua nha e cũng đưa cho con e luôn...*”. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh từ Tổng Công ty Mobiphone thể hiện: ông T có đăng ký sử dụng số điện thoại 0932.720.257; Tại kết quả xác minh từ Công ty cổ phần VNG thể hiện số điện thoại 0932.720.257 không đăng ký tài khoản Zalo và bộ phận kỹ thuật không lưu thông tin các tin nhắn giữa tài khoản “Vantoan” và tài khoản “Nguyen Dinh Hien”; Tại biên bản đối chất ngày 30/6/2020, ông T thừa nhận có sử dụng tài khoản Zalo “Vantoan”, nhưng lại không biết tài khoản này được đăng ký từ số điện thoại nào. Do đó, không có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn T là người trực tiếp sử dụng tài khoản zalo mang tên “Vantoan” để nhắn tin nhắn có nội dung “... *lại còn mua xe 70tr cho e đi.e nơ a nhiều lắm.lươn ca 50tr a đưa e đi đất cọc mua nha e cũng đưa cho con e luôn...*” cho Ông H. Hơn nữa, về nội dung tin nhắn trên không thể hiện được nội dung mà Ông H cho rằng ông T thừa nhận có nợ tiền của Ông H như Ông H khai. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông H đối với ông T là có căn cứ.

[3]. Ông H kháng cáo, nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để làm thay đổi nội dung vụ án, nên kháng cáo của Ông H cũng không được chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất một phần quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình H, giữ nguyên bản án sơ thẩm, nhưng có sửa về cách tuyên án cho phù hợp.

[5]. Án phí phúc thẩm: Ông H được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 192, 217, 227, 228, 271, 273, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 163, 166, 463, 469 Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T hoàn trả số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Nguyễn Đình H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T hoàn trả vốn vay 354.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi bốn triệu đồng).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đình H được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm, miễn nộp tạm ứng án phí.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TP. Tân An, tỉnh Long An;
- Chi cục THADS TP. Tân An;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Tâm